

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ

Số: 130/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Krông Nô, ngày 10 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện;

Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 67 của Luật Đầu tư công như sau:

“7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.”

Với quy định trên, để đảm bảo việc quản lý kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân

dân huyện xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ dung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện như sau:

I. Điều chỉnh tổng cơ cấu nguồn vốn như sau:

1. Trước điều chỉnh: Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp huyện giai đoạn 2021-2025: 515.951 triệu đồng, gồm:

(1). Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số phân bổ: 81.457 triệu đồng.

(2). Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 263.076 triệu đồng.

(3). Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tinh hỗ trợ: 48.018 triệu đồng.

(4). Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022: 15.000 triệu đồng.

(5). Nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tinh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024: 28.600 triệu đồng.

(6). Nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh: 79.800 triệu đồng.

2. Sau điều chỉnh: Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025: 530.558 triệu đồng, gồm:

(1). Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số phân bổ: 73.850 triệu đồng.

(2). Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 280.678 triệu đồng (đã trừ số trích 10% để thực hiện đo đạc...).

(3). Nguồn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao: 33.000 triệu đồng (bổ sung).

(4). Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tinh hỗ trợ: 19.630 triệu đồng.

(5). Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022: 15.000 triệu đồng.

(6). Nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tinh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024: 28.600 triệu đồng.

(7). Nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh: 79.800 triệu đồng.

3. Lý do điều chỉnh

- Nguồn vốn tinh phân cấp tỉnh đã cấp giai đoạn 2021 - 2024 và dự kiến cấp trong năm 2025 với tổng số tiền là 73.850 triệu đồng giảm so dự kiến đầu giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh giao tại Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đăk Nông thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025 là 7.607 triệu đồng.

Do đó điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của một số công trình dự kiến mở mới trong năm 2025 như: Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah, Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nâm N'Dir, Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr, Nâm N'Dir, Đăk Nang để cân đối nguồn bố trí đủ kế hoạch vốn cho các công trình đã khởi công trong năm 2023, 2024 chưa được bố trí đủ vốn.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn các công trình hoàn trả vốn ứng về Quỹ phát triển đất tỉnh và một số công trình hết nhu cầu sử dụng vốn do đã hoàn thành và giảm thầu để điều chuyển sang cho các công trình đang cấp thiết đầu tư để hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất điều chỉnh tăng là 79.750 triệu đồng, trong đó nguồn điều chỉnh giảm từ các công trình là 29.148 triệu đồng, nguồn bổ sung thêm từ rà soát lại nguồn thu tiền sử dụng đất từ 2021-2024 và dự kiến thu năm 2025 là 50.602 triệu đồng.

- Tăng nguồn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao điều chỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển sang để theo dõi.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tinh hỗ trợ điều chỉnh giảm 28.388 triệu đồng là do một số công trình đã được bố trí từ nguồn tăng thu từ tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2024 và dự kiến bố trí trong năm 2025 sang nguồn sử dụng đất.

- Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022 điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình Trụ sở làm việc công an Nâm N'Dir để bố trí vốn thanh toán nợ cho công trình Trụ sở làm việc công an Buôn Choah.

(Chi tiết theo phụ biểu 02 đính kèm)

II. Điều chỉnh chi tiết từng nguồn vốn như sau:

1. Điều chỉnh giảm: 102.824 triệu đồng, bao gồm: Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số là 12.238 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất là 62.148 triệu đồng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn tinh hỗ trợ là 28.388 triệu đồng, nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật

chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022 là 50 triệu đồng, cụ thể như sau:

1.1. Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số: 12.238 triệu đồng cho 08 danh mục công trình bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề với số tiền là 301 triệu đồng (vốn đối ứng). Lý do điều chỉnh giảm là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tuy nhiên Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thụ hưởng từ chương trình MTQG giảm nghèo bền vững do đó nguồn vốn ngân sách huyện dùng để đối ứng cho công trình này không sử dụng nên đề xuất điều chỉnh giảm.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đăk Vượng với số tiền là 1.366 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do công trình đã được đưa vào danh mục tinh đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 công trình Đường tránh phía Tây Nam và các trục ngang khu đô thị thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nâm N'Dir với số tiền là 4.282 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là nguồn vốn tinh phân cấp trong giai đoạn 2021 - 2025 tinh giao về cho huyện giảm do đó không cân đối được nguồn để thực hiện đầu tư công trình đồng thời chuyển sang đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah với số tiền là 34 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là công trình đã hoàn thành và do giảm thầu không còn nhu cầu sử dụng nguồn vốn.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah với số tiền là 3.300 triệu đồng; Trụ sở làm việc Công an xã Nâm N'Dir với số tiền là 1.950 triệu đồng; Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Nang với số tiền là 1.000 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do nguồn vốn tinh phân cấp trong giai đoạn 2021-2025 tinh giao về cho huyện giảm do đó không cân đối được nguồn để thực hiện đầu tư công trình. Đồng thời để cân đối bố trí vốn trả nợ cho các công trình đã được đầu tư từ trong năm 2023 và 2024 như công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choah, Đức Xuyên, Trụ làm việc xã đội xã Đăk Nang và một số công trình chưa bố trí đủ vốn kế hoạch vốn như Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr, Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm; Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh...

- Điều chỉnh kế hoạch vốn Trụ sở làm việc Công an xã Quảng Phú với số tiền là 5 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do giảm thầu không còn nhu cầu sử dụng nguồn vốn.

1.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 62.148 triệu đồng cho 13 danh mục công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1), với số tiền là 6.819 triệu đồng, lý do điều chỉnh giảm là do Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Krông Nô (cũ) chưa bàn giao về cho địa phương quản lý, sử dụng. Do đó đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình chưa chuyển trả Quỹ phát triển đất tỉnh.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Cảnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát), với số tiền là 5.000 triệu đồng; Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đức Xuyên, với số tiền là 1.400 triệu đồng; Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đăk Nang, với số tiền là 1.700 triệu đồng; Hoàn trả tiền ứng để đầu tư Trung tâm xã Nam Đà, với số tiền là 6.500 triệu đồng lý do điều chỉnh giảm là do các công trình này hiện chưa thực hiện ứng vốn của Quỹ phát triển đất của tỉnh.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện, với số tiền 47 triệu đồng; Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang với số tiền 38 triệu đồng; Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự, với số tiền 81 triệu đồng; Cảnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm, với số tiền 481 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm công trình đã hoàn thành và do giảm thầu không còn nhu cầu sử dụng nguồn vốn.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K'Tăh với số tiền 978 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là tổng mức được phê duyệt của công trình giảm từ 4.200 triệu đồng xuống 3.556 triệu đồng và công trình giảm thầu và không có nhu cầu sử dụng nguồn vốn.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Chi đèn bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện, với số tiền 804 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do nội dung này đã được bố trí vào từng công trình.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Cảnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát), với số tiền 5.300 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do công trình này đang triển khai đầu tư từ nguồn ứng Quỹ phát triển đất tỉnh.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm, với số tiền 33.000 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là điều chỉnh sang nguồn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao.

1.3. Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tinh hỗ trợ: 28.388 triệu đồng cho 11 danh mục công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường THCS Năm N'Dir với số tiền là 4.087 triệu đồng; công trình: Trường THCS Đăk Nang với số tiền là 2.301 triệu đồng; công trình: Trung tâm chính trị với số tiền là 1.481 triệu đồng; công trình: Trường TH và THCS Nguyễn Viết Xuân với số tiền là 3.900 triệu đồng; công trình: Trường TH Võ Thị Sáu với số tiền là 4.000 triệu đồng; công trình: Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ với số tiền là 260 triệu đồng; Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới) với số tiền là 1.000 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do điều chỉnh sang nguồn thu tiền sử dụng đất vì công trình đã được đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2023.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường THCS Nam Đà với số tiền là 3.721 triệu đồng; Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính) với số tiền là 3.206 triệu đồng; Trường tiểu học Trần Quốc Toản với số tiền là 1.794 triệu đồng; Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm với số tiền là 2.638 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là do điều chỉnh sang đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất do nguồn tăng thu tiết kiệm chi không đảm bảo.

1.4. Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022 là 50 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Dir, với số tiền là 50 triệu đồng. Lý do điều chỉnh giảm là để bố trí vốn thanh toán nợ cho công trình Trụ sở làm việc công an Buôn Choah.

2. Điều chỉnh tăng: 117.431 triệu đồng, bao gồm: Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số là 4.631 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất là 79.750 triệu đồng, nguồn bồi bù bằng đất khu vực cánh đồng La Trao là 33.000 triệu đồng, nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022 là 50 triệu đồng, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn vốn tinh phân cấp: 4.631 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm các công trình để bổ sung cho 08 danh mục công trình, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các công trình: Trường TH Trần Phú; HM: Nâng cấp, mở rộng sân bê tông, tường rào, với số tiền 1.366 triệu đồng, do công trình cấp thiết cần đầu tư, từ nguồn vốn điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đăk Vượng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các công trình: Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm, với số tiền 2.638 triệu đồng; Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh, với số tiền 100 triệu đồng. Kênh chính và kênh đất cát cánh đồng bon Choih, với số tiền 90 triệu đồng; Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr, với số tiền 191 triệu đồng. Bố trí đủ kế hoạch vốn cho công trình để triển khai thực hiện đầu tư trong năm 2025.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên, với số tiền 188 triệu đồng; Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choáh, với số tiền 31 triệu đồng; Nhà làm việc xã đội xã Đăk Nang, với số tiền 27 triệu đồng. Bố trí đủ kế hoạch vốn cho các công trình để thanh toán nợ.

2.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 79.750 triệu đồng cho 13 danh mục công trình; bao gồm: nguồn điều chỉnh giảm từ các công trình là 29.148 triệu đồng và nguồn bổ sung thêm từ rà soát lại nguồn thu tiền sử dụng đất từ 2021-2024 và dự kiến thu năm 2025 là 50.602 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn trích lập quỹ đất (20%) để chuyển về Quỹ đất tỉnh là 1.000 triệu đồng. Nguồn bổ sung thêm là từ nguồn rà soát lại nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến thu năm 2025 (65.000 triệu đồng).

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã, với số tiền là 37.649 triệu đồng. Bổ sung thêm kế hoạch vốn để UBND các xã thực hiện đối ứng các chương trình mục tiêu quốc (rà soát lại số kinh phí thực tế đã bố trí về cho các xã từ 2021-2024 và dự kiến năm 2025), nguồn điều chỉnh tăng là mượn nguồn trích 20% trích về quỹ đất tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là 16.372 triệu đồng và nguồn rà soát lại rà soát lại từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ 2021-2024 và dự kiến thu năm 2025 và nguồn vốn điều chỉnh giảm các công trình là 21.277 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường THCS Năm N'Dir, với số tiền 4.087 triệu đồng; Trường TH Võ Thị Sáu, với số tiền là 3.995 triệu đồng; Trường THCS Đăk Nang, với số tiền là 2.301 triệu đồng; Trung tâm chính trị, với số tiền là 1.481 triệu đồng; Trường TH và THCS Nguyễn Viết Xuân, với số tiền là 3.500 triệu đồng; Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ, với số tiền là 260 triệu đồng; Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới), với số tiền là 986 triệu đồng. Lý do: Do các công trình này đã được bố trí từ nguồn nguồn sử dụng đất giai đoạn 2021-2023 ở nguồn tăng thu, tiết kiệm chi.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính), với số tiền 3.123 triệu đồng; Trường THCS Nam Đà, với số tiền là 3.900 triệu đồng; Trường tiểu học Trần Quốc Toản, với số tiền là 2.500 triệu đồng. Lý do nguồn tăng thu tiết kiệm chi không đảm bảo nên điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trung tâm văn hoá thể thao huyện Krông Nô, với số tiền 6.500 triệu đồng. Bổ trí thêm kế hoạch vốn cho công trình để triển khai thực hiện đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nâm N'Dir, với số tiền 8.468 triệu đồng. Lý do công trình đang rất cần thiết cần đầu tư và do nguồn tính phân cấp giai đoạn 2021-2025 tính cấp về giảm. Do đó điều chỉnh bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện đầu tư công trình.

2.3. Nguồn bồi bù bằng đất khu vực cánh đồng La Trao là 33.000 triệu đồng để bổ sung cho 01 danh mục công trình, cụ thể như sau:

Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm, với số tiền 33.000 triệu đồng. Điều chỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất sang.

2.4. Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022 là 50 triệu đồng cho 02 danh mục công trình từ nguồn điều chỉnh giảm, cụ thể:

Bổ sung kế hoạch vốn công trình Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choah với số tiền là 50 triệu đồng. Bổ sung thêm kế hoạch vốn để thực hiện thanh toán nợ.

(Chi tiết theo phụ biểu 02 đính kèm)

Với những nội dung như trên, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy; (b/c)
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Hà

PHỤ BIẾU 01
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo NQ số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn gian đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6+7)	515.951	102.824	117.431	530.558	
1	Vốn tĩnh phân cấp theo điểm số phân bổ	81.457	12.238	4.631	73.850	
	Trong đó:					
-	Bố trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	7.583	-	-	7.583	
-	Bố trí các dự án, công trình mới	73.874	12.238	4.631	66.267	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	-	-		0	
2	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	263.076	62.148	79.750	280.678	
	Trong đó:					
-	Bố trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	5.379	-	-	5.379	
-	Bố trí các dự án, công trình mới	122.103	40.729	41.101	122.475	
-	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tinh	66.420	21.419	1.000	46.001	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã	69.174	-	37.649	106.823	
3	Nguồn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao	-		33.000	33.000	
4	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tinh hỗ trợ	48.018	28.388	-	19.630	
5	Nguồn vốn tĩnh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 10/11/2022	15.000	50	50	15.000	
6	Nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tính bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	28.600		-	28.600	
7	Nguồn ứng quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất	79.800		-	79.800	
8	Danh mục các dự án cấp thiết đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn	305.070	-	5.000	310.070	<i>Chưa cân đối được nguồn vốn</i>

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỔI NGÂN SÁCH HUYỆN

PHỤ BIÊU 02

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024		Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	
1	2	3	4	6	7	8	9	10
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)				916.224	515.951	102.824	117.431	792.701
1	VỐN ĐẦU TƯ TỈNH PHẦN CẤP			157.518	81.457	12.238	4.631	147.809
1	Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				34.607	7.583	-	34.607
<i>1.1</i>	<i>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>				<i>18.908</i>	<i>2.676</i>	-	<i>18.908</i>
1.1.1	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Xây mới thêm 10 phòng học 2 tầng, thiết bị	3021/QĐ ngày 31/10/2018	4.932	403		4.932
1.1.2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Dak Drô	Xây dựng 03 phòng học và nhà hiệu bộ	3287/QĐ ngày 13/11/2019	4.509	1.689		4.509
1.1.3	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Dir	Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	3019/QĐ ngày 31/10/2018	4.467	340		4.467
1.1.4	Trường Tiểu học Lê Lợi, xã Năm Xuân	Xã Năm Xuân	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.	2197/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.000	244		5.000
<i>1.2</i>	<i>Lĩnh vực giao thông</i>				<i>2.833</i>	<i>373</i>	-	<i>2.833</i>
1.2.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Dak Mâm - Năm Nung - Năm N'dir (đoạn trung tâm xã Năm Nung)	Xã Năm Nung	Nâng cấp mở rộng 2km mặt đường lát nhựa	3011/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.833	373		2.833
<i>1.3</i>	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>				<i>3.564</i>	<i>973</i>	-	<i>3.564</i>
1.3.1	Kè Chống sạt lở suối Dak Nang	Xã Dak Nang	800 m	2950/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.200	204		2.200
1.3.2	Trạm bơm điện bon Choih xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên		2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	769		1.364
<i>1.4</i>	<i>Lĩnh vực Quản lý Nhà nước</i>				<i>9.302</i>	<i>3.561</i>	-	<i>9.302</i>
1.4.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.561		9.302

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khai toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giải đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025			Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	3	4	6	7	8	9	10	11	13
2	2.1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề			122.911	73.874	12.238	4.631	113.202	66.267	
2.1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		31.048	20.315	301	1.366	27.739	21.380	
2.1.2	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	3.910			4.000	3.910	
2.1.3	Trường TH Lê Văn Tam (phân hiệu Tân Lập)	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.407			4.500	3.260	
2.1.4	Trường THCS Nâm Nung	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.700	3.573			3.700	3.573	
2.1.5	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	214/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.700	3.566			3.700	3.566	
2.1.6	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mampus	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	2.156			4.500	2.156	Lồng ghép vốn ngân hàng đầu tư quyền sử dụng đất là 2.250 tỷ
2.1.7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mampus	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	2965/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2.239	142			2.239	142	-
2.1.8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mampus	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	96/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.709	301			301		Giam Kt vốn do Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng thu hưởng từ chương trình MTQG giảm nghèo nông thôn
2.1.9	Trường TH Trần Phú; HMT: Nâng cấp, mở rộng sân bê tông, tường rào	TT Đăk Mampus	Nâng cấp, mở rộng sân bê tông, tường rào	119/NQ-HĐND ngày 23/10/2024					1.366	1.400	Tặng Kt vốn do công trình rất cần thiết
2.2	2.2. Linh vực văn hóa				10.000	3.805	-	2.638	10.000	6.443	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.2.1	Nhà văn hóa xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Hội trường 200 chỗ ngồi	243/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	1.455			3.000	1.455	
2.2.2	Nhà văn hóa xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi	94/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	3.000	1.350			3.000	1.350	
2.2.3	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đák Mâm	TT Đák Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử, 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	1.000			2.638	4.000	3.638
2.3	Lĩnh vực giao thông				16.190	12.098	1.366	100	14.790	10.832	
2.3.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đák Vượng	TT Đák Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường giao thông nông thôn, cấp B.	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.366			1.366		Giai Kh với do công trình đã được đưa vào danh mục tuyến đường trục trung tâm của huyện - Tây Nam và các ngang khu đô thị trấn Đák Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông
2.3.2	Đường giao thông nông thôn Yok Rinh	TT Đák Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.200			100		-
2.3.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	xã Nam Xuân	BT 2 km, nền đường	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.962			4.990	4.962	
2.3.4	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	4.570			8.500	4.570	
2.4	Lĩnh vực cấp, thoát nước				23.996	11.828	4.316	-	23.996	7.512	
2.4.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đák Son	Xã Nam Xuân	Cấp nước 200 hộ	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.823			4.996	4.823	
2.4.2	Công trình cấp nước Bon Đák Pri, xã Năm N'Dir	xã Năm N'Dir	Cấp nước sinh hoạt nông thôn, cấp IV (cấp nước sinh hoạt cho khoảng 650 hộ)	118/NQ-HĐND ngày 23/10/2024	14.000	4.955	4.282		14.000	673	
2.4.3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Xây mới công trình cấp nước cho khoảng 250 hộ dân	88/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.000	2.050	34		5.000	2.016	
2.5	Lĩnh vực Thủy lợi				6.800	5.010	3.300	90	1.800	1.800	
2.5.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bơm trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.300	3.300				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.5.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đức Xuyên	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.710		90	1.800	1.800	
2.6	<i>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>				1.089	1.028	-	-	1.089	1.028	
2.6.1	Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện	TT Đák Mâm	Nâng cấp, sửa chữa kho lưu trữ của huyện	3106/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	1.089	1.028			1.089	1.028	
2.7	<i>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</i>				33.787	19.790	2.955	437	33.787	17.272	
2.7.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đák Drô	Xã Đák Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.2	Trụ làm việc Công an xã Nâm Nung	Xã Nâm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.900			3.500	1.900	
2.7.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.800		188	3.500	1.988	
2.7.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đák Sôr	Xã Đák Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.809		191	3.500	2.000	
2.7.6	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.950			3.500	1.950	
2.7.7	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choáh	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.900		31	3.500	1.931	
2.7.8	Trụ sở làm việc Công an xã Nâm N'Dir	Xã Nâm N'Dir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.950	1.950		4.300	0	
2.7.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.000	1.000		3.500	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.7.10	Nhà làm việc xã đội Nâm Nung	Xã Nâm Nung	Nhà làm việc cấp IV	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987	960			987	960	
2.7.11	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	3203/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.000	941			1.000	941	
2.7.12	Nhà làm việc xã đội xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Nhà làm việc cấp IV	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950		27	1.000	977	
2.7.13	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	700	5		1.500	695	
II	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				551.806	263.076	62.148	79.750	391.492	280.678	
1	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển chuyên về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh				136.920	66.420	21.419	1.000	45.001	46.001	
1.1	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%)				45.001	45.001		1.000	45.001	46.001	
1.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)				6.819	6.819	6.819			-	
1.3	Hoàn trả tiền ứng đê đầu tư công trình Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)				33.300	5.000	5.000			-	Giảm do chưa thực hiện ứng vốn của Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh
1.4	Hoàn trả tiền ứng đê đầu tư công trình Trung tâm xã Đức Xuyên				9.000	1.400	1.400			-	Giảm do chưa thực hiện ứng vốn của Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh
1.5	Hoàn trả tiền ứng đê đầu tư công trình Trung tâm xã Đák Nang				10.300	1.700	1.700			-	Giảm do chưa thực hiện ứng vốn của Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh
1.6	Hoàn trả tiền ứng đê đầu tư Trung tâm xã Nam Đà				32.500	6.500	6.500			-	Giảm do chưa thực hiện ứng vốn của Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã	Toàn huyện			69.174	69.174		37.649	104.723	106.823	
3	Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				28.485	5.379	-	-	28.485	5.379	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giải đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025			Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
3.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				6.700	445	-	-	6.700	445	
3.1.1	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Buôn Choah	Buôn Choah	Công, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	3286/QĐ ngày 13/11/2019	1.500	120			1.500	120	
3.1.2	Trường THCS Buôn Choah	Xã Buôn Choah	08 phòng học 2 tầng	2954, ngày 29/10/2019	5.200	325			5.200	325	
3.2	Lĩnh vực giao thông				12.483	1.315	-	-	12.483	1.315	
3.2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đăk Mâm	1.200 m nhựa, HHTN	3016, ngày 31/10/2018	6.850	67			6.850	67	
3.2.2	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nền, móng, mặt đường và HHTN	3021/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	200			1.000	200	
3.2.3	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện lỵ nhà nước, Đảng, đoàn thể	TT Đăk Mâm	Đèn bù GPMB; Nền, mặt đường lát nhựa và HHTN, chiều dài 207m	2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	1.048			4.633	1.048	
3.3	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				9.302	3.619	-	-	9.302	3.619	
3.3.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.619			9.302	3.619	
4	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				317.226	122.103	40.729	41.101	213.283	122.475	
4.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				51.084	15.238	-	25.147	51.084	40.385	
4.1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	1.191			4.500	1.191,00	
4.1.2	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Nâm Nung	Nhà hiệu bộ	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.474			2.484	2.474	
4.1.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Nhà tập đa năng	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.389			3.500	3.389	
4.1.4	Trường Mầm Non Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.255			2.500	2.255	
4.1.5	Trường THCS Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir	Nâng cấp, mở rộng 8 phòng 2 tầng	1738/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.000	785			4.087	5.000	4.872

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.1.6	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	2.250			4.500	2.250	Lồng ghép với nguồn tính phân cấp là 2.156 triệu đồng
4.1.7	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	1.294		3.123	4.500	4.417	
4.1.8	Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38)	Xã Nâm N'Dir	Nhà lớp học 2 phòng		1.600	1.600			1.600	1.600	
4.1.9	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000			3.995	4.000	3.995	
4.1.10	Trường THCS Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000			2.301	5.000	2.301	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022
4.1.11	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đăk Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500			1.481	1.500	1.481	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2021, 2022
4.1.12	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000			3.500	4.000	3.500	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022, 2023 ST 3.500 trđ
4.1.13	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		4.500			3.900	4.500	3.900	
4.1.14	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500			2.500	2.500	2.500	
4.1.15	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bè bơi và nhà vòm bảo vệ	Xã Nam Đà	Bè bơi và nhà vòm bảo vệ	2192/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000			260	1.000	260	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022.
4.2	Lĩnh vực Văn hóa				30.000	14.783	-	6.500	30.000	21.283	
4.2.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà văn hoá trung tâm: Công trình dân dụng, cấp III (2 tầng); Các hạng mục phụ trợ khác gồm: Bè bơi ngoài trời; Sân thể thao; Nhà bảo vệ, nhà xe, Sân đường nội bộ, hoa viên, công ngõ; Hạ tầng kỹ thuật khác và Trang thiết bị	199/NQ-HĐND ngày 18/12/2023	30.000	14.783		6.500	30.000	21.283	
4.3	Lĩnh vực giao thông				63.000	19.390	85	-	63.000	19.305	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.3.1	Đường từ thôn Xuyên Hà đến cổng ngầm Đák Nang	Xã Đức Xuyên	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn, cấp B.	232/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	3.903			4.000	3.903	
4.3.2	Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện		Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị.	93/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	7.000	7.000	47		7.000	6.953	
4.3.3	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	3.930			8.500	3.930	
4.3.4	Đường giao thông từ xã Nam Đà di xã Đák Drô	Xã Nam Đà, Đák Drô		1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	692			20.000	692	
4.3.5	Đường tránh thao trường và tái định cư cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên		83/QĐ-BQL ngày 18/5/2022	21.000	1.365			21.000	1.365	
4.3.6	Đường N6, Đ3 xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Nâng cấp 850m đường giao thông.	237/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500	38		2.500	2.462	
4.4	Lĩnh vực Thủy lợi				21.742	11.839	1.059	-	21.098	10.780	
4.4.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đák Drô	Xã Đák Drô	1205,71m kênh	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.064			3.404	3.064	
4.4.2	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự	Xã Đák Nang	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh.	247/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.900	2.900	81		2.900	2.819	
4.4.3	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Đầu tư khoảng 700m kênh.	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.000			1.800	1.000	
4.4.4	Hồ Đák Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành		169/QĐ-BQL ngày 23/12/2021	9.438	675			9.438	675	
4.4.5	Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K'Täh	Xã Quảng Phú	Kênh và công trình phụ trợ 1,3km	3301/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	4.200	4.200	978		3.556	3.222	
4.5	Lĩnh vực cáp, thoát nước				14.000	-	-	-	8.468	14.000	8.468
2.5.1	Công trình cấp nước Bon Đák Prí, xã Nâm N'Dir	xã Nâm N'Dir	Cấp nước sinh hoạt nông thôn, cấp IV (cấp nước sinh hoạt cho khoảng 650 hộ)	118/NQ-HĐND ngày 23/10/2024	14.000				8.468	14.000	8.468
4.6	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				42.700	11.121	6.104	986	9.400	6.003	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.6.1	Chi đèn bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện	Đèn bù GPMB			804	804			-	
4.6.2	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình	TT Đăk Mâm	Đèn bù GPMB	3239/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.156	18			1.156	18	
4.6.3	Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Đèn bù GPMB	2566/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	1.297	62			1.297	62	
4.6.4	Trung tâm cụm xã Đák Nang, hạng mục: Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HDND & UBND xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Đèn bù GPMB	5273/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.512	2.503			2.512	2.503	
4.6.5	Trụ sở HĐND &UBND huyện Krông Nô, Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc và công trình phụ trợ	TT Đăk Mâm	Cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ	2821/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.434	2.434			2.434	2.434	
4.6.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	TT Đăk Mâm	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	5.300	5.300			-	
4.6.7	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	TT Đăk Mâm		2940/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	2.000			986	2.000	986	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022, 2023 ST 986 trđ
4.7	Chi đầu tư khác				5.790	5.577	-	-	5.790	5.577	
4.7.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Toàn huyện	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m2 và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt thép dài khoảng 95m	128/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.745	2.503			2.745	2.503	
4.7.2	Hỗ trợ làm đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn	Toàn huyện			2.000	2.000			2.000	2.000	
4.7.3	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô	Xã Đăk Drô	Đèn bù GPMB	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.045	1.045			1.045	1.045	
4.7.4	Đối ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	Các xã, thị trấn				29				29	
4.8	Lĩnh vực quy hoạch				1.911	1.911	-	-	1.911	1.911	
4.8.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Quy hoạch SD đất cấp huyện	3173/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1.911	1.911			1.911	1.911	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.9	Lĩnh vực kiến thiết thị chính				80.000	38.500	33.481	-	10.000	5.019	
4.9.1	Chỉnh trang hệ thống via hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	5.500	481		10.000	5.019	
4.9.2	Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm		198/NQ-HĐND ngày 18/12/2023	70.000	33.000	33.000				Giảm đưa xuống nguồn bồi thường bồi đắp đất khu vực cánh đồng La Trao
4.10	Lĩnh vực điện				4.000	744	-	-	4.000	744	
4.10.1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2,2km đường dây trung áp, 1,5km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp	2541/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	4.000	744			4.000	744	
4.11	Lĩnh vực bảo vệ môi trường				3.000	3.000	-	-	3.000	3.000	
4.11.1	Nâng cấp mở rộng bãi rác tại bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô với diện tích khoảng 1,5ha.		3.000	3.000			3.000	3.000	
III NGUỒN BỒI THƯỞNG BẰNG ĐẤT KHU VỰC CÁNH ĐỒNG LA TRAO						-	-	-	33.000	70.000	33.000
1	Lĩnh vực kiến thiết thị chính				-	-	-	-	33.000	70.000	33.000
1.1	Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm		198/NQ-HĐND ngày 18/12/2023					33.000	70.000	33.000 (vốn bồi thường bồi đắp đất khu vực cánh đồng La Trao 33 tỷ đồng)
IV NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI VÀ TÍNH HỒ TRỢ					62.700	48.018	28.388	-	39.200	19.630	
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				62.700	48.018	28.388	-	39.200	19.630	
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				46.700	38.515	24.750	-	23.200	13.765	
1.1.1	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Nâng cấp, mở rộng sân trường	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	970			1.000	970	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
1.1.2	Trường THCS Nâm N'Dir	Xã Nâm N'Dir	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	211/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	4.087	4.087					Nguồn thu tiền sử dụng đất 2021, 2022
1.1.3	Trường THCS Nâm Nung	Xã Nâm Nung	Nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000	900			1.000	900		
1.1.4	Trường THCS Đák Nang	Xã Đák Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000	2.301	2.301			-		Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022
1.1.5	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đák Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500	1.481	1.481			-		Nguồn thu tiền sử dụng đất 2021, 2022
1.1.6	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000	3.900		4.000	100		Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022, 2023 ST 3.500 trđ
1.1.7	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đák Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000	4.000					Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022, 2023 ST 2.977 trđ
1.1.8	Trường MN Vàng Anh	xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 6 phòng 2 tầng	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000	4.807			5.000	4.807		
1.1.9	Trường MN Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng tường rào, sân trường	227/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000		
1.1.10	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng cổng, tường rào	249/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000		
1.1.11	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	228/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500		
1.1.12	Trường tiểu học Kim Đồng	Xã Nâm N'Dir	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2338/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1000	330			1.000	330		
1.1.13	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.000	358			1.000	358		
1.1.14	Trường THCS Nâm Nung, hạng mục: Tường rào	Xã Nâm Nung	Tường rào	192/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200		
1.1.15	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		4.500	4.321	3.721		4.500	600		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
1.1.17	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.		4.500	3.206	3.206					
1.1.18	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	Xã Nam Đà	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2192/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000	260	260				Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022,	
1.1.19	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500	1.794	1.794			-	-	
1.2	Lĩnh vực Văn hóa				4.000	3.000	2.638	-	4.000	362		
1.2.1	Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 cổng chào điện tử; 03 cổng hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	3.000	2.638		4.000	362	Lồng ghép với nguồn ngân huyễn	
1.3	Lĩnh vực kiến thiết thi chính				10.000	4.500	-	-	10.000	4.500		
1.3.1	Chinh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	4.500			10.000	4.500	Lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất	
1.4	Chi đầu tư khác				-	-	3	-	-	3		
1.4.1	Đối ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	TT Đăk Mâm					3			3		
1.5	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				-	2.000	2.000	1.000	-	2.000	1.000	
1.5.1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	TT Đăk Mâm		2940/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	2.000	2.000	1.000		2.000	1.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2022, 2023 ST 986 trđ	
V	NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐẨM BẢO CỔ SỞ VẬT CHẤT CHO LỰC LUẬNG CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH NGÀY 10/11/2022				30.500	15.000	50	50	30.500	15.000		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				30.500	15.000	50	50	30.500	15.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Khái toán vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bù sung	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1.1 Linh vực An ninh - Quốc phòng				30.500	15.000	50	50	30.500	15.000	
1.1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.500				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.500				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.3	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.500				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.4	Trụ sở làm việc Công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	800				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà ở doanh trại, bếp ăn Xã Tân Thành tập thể, kho vật chứng	Xã Tân Thành	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	92/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	700	700				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.7	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr	Xã Đăk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500				Lồng ghép với nguồn tinh phân cấp: 2.000 triệu đồng	
1.1.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.500	50		4.300	1.450	
1.1.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	
1.1.10	Trụ sở làm việc Công an xã Drô, hạng mục: Công vào trụ sở; mở rộng sân bê tông; nhà để xe và đường nội bộ	Xã Drô	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	
1.1.11	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khai toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024		Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú			
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khai toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
VI	NGUỒN VỐN KHẮC PHỤC HẤU QUẢ THIỆN TẠI TỈNH BỘ SUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 219/QĐ-UBND NGÀY 04/3/2024			28.600	28.600	-	-	28.600	28.600		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			28.600	28.600	-	-	28.600	28.600		
1.1	Lĩnh vực thủy lợi			28.600	28.600	-	0	28.600	28.600		
1.1.1	Khắc phục tình trạng sạt lở khu dân cư vùng trọng điểm lương thực dọc suối Đák Nang	Xã Đák Nang	692/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	26.600	26.600			26.600	26.600		
1.1.2	Khắc phục sạt lở tại hồ thi trấn Đák Mâm	TT Đák Mâm	696/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.000	2.000			2.000	2.000		
VII	NGUỒN ỦNG QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH			85.100	79.800	-	-	85.100	79.800		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			85.100	79.800	-	-	85.100	79.800		
1.1	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			85.100	79.800	-	-	85.100	79.800		
1.1.1	Trung tâm xã Nam Đà		Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp, đường giao thông và điện sinh hoạt	32.500	32.500			32.500	32.500		
4.5.6	Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ở Cát)	TT Đák Mâm	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	28.000		33.300	28.000		
4.5.7	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000	9.000		9.000	9.000		
4.5.8	Trung tâm xã Đák Nang	Xã Đák Nang	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300	10.300		10.300	10.300		
VIII	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CẨN ĐOÀI ĐƯỢC NGUỒN VỐN			305.070	-	-	5.000	310.070	-		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			305.070	-	-	5.000	310.070	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1	<i>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>				28.100	-	-	-	28.100	-	
1.1.1	Trường MN Vàng Anh	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000				4.000		
1.1.2	Trường TH Ngô Gia Tự	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.3	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	04 phòng học bộ môn và thư viện		4.000				4.000		
1.1.4	Trường THCS Nâm Nung	Xã Nâm Nung	Nhà đa năng		3.500				3.500		
1.1.5	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.6	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.7	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.8	Trường Mầm Non Anh Đào (Phân hiệu Buôn Dru)	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 02 phòng		1.600				1.600		
1.1.9	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang (Điểm chính)	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		5.000				5.000		
1.2	<i>Lĩnh vực giao thông</i>				178.030	-	-	-	178.030	-	
1.2.1	Đường giao thông thôn Phú Lợi đến điểm quy hoạch dân cư số 2	Xã Quảng Phú	2,8 Km mặt đường láng nhựa		8.000				8.000		
1.2.2	Đường quy hoạch nối giữa N15 đi Đ17	TT Đăk Mâm	0,5km		6.000				6.000		
1.2.3	Đường Cao Sơn đi thôn Nam Tiến	xã Buôn Choóah	BT 0,82 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		2.000				2.000		
1.2.4	Đường tránh lũ xã Buôn Chóah	xã Buôn Choóah	BT 3,2 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		5.000				5.000		
1.2.5	Đường tránh thao trường diễn tập của lực lượng vũ trang tỉnh nối khu tái định cư xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhựa hóa 5,582km, nền đường rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m		20.000				20.000		
1.2.6	Đường chính khu vực Đ11e	TT Đăk Mâm	0,367 km đường đô thị		5.000				5.000		
1.2.7	Đường giao thông liên khu vực Đ7	TT Đăk Mâm	1,88km đường đô thị		20.000				20.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2.8	Đường giao thông liên khu vực Đ10e	TT Đăk Mâm	1,130km đường đô thị		15.000				15.000		
1.2.9	Đường giao thông liên khu vực Đ10c, Đ10d	TT Đăk Mâm	2,425km đường đô thị		30.000				30.000		
1.2.10	Nâng cấp đường Nam Đà đi Ba Buôn Đăk Mâm (ĐH61)	Xã Nam Đà, TT Đăk Mâm	4,3km đường giao thông		15.000				15.000		
1.2.11	Nâng cấp đường Quốc lộ 28 đi thôn 2, xã Quảng Phú (ĐH63)	Xã Quảng Phú	6km đường giao thông		20.000				20.000		
1.2.12	Đường thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (khu vực người dân sáng chì)	Xã Đăk Nang	900m đường giao thông		2.000				2.000		
1.2.13	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi tinh lộ 3	Xã Nam Đà	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng 2,5km đường nhựa		6.500				6.500		
1.2.14	Các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng	Nam Đà, Buôn Choah	6 km đường		7.000				7.000		
1.2.15	Cầu thôn Nam Tháng, xã Nam Đà tại Km0+800, tuyến đường huyện Nam Đà đi tinh lộ 3 (ĐH61)	Xã Nam Đà			16.530				16.530		
1.3	Lĩnh vực cấp, thoát nước				11.558	-	-	-	11.558		
1.3.1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn Cao Sơn	Xã Buôn Choah	256 hộ		4.658				4.658		
1.3.2	Nâng cấp công trình sinh hoạt thôn Đăk Ri	Tân Thành	120 hộ		3.900				3.900		
1.3.3	Cấp nước tập trung thôn Nam Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước cho 160 hộ		3.000				3.000		
1.4	Lĩnh vực Thủy lợi				24.534	-	-	5.000	29.534		
1.4.1	Công tiêu qua kênh tiêu cánh đồng Đăk Rèn, xã Nâm N'Dir	Nâm N'Dir	03 công tiêu		950				950		
1.4.2	Nạo vét hệ thống kênh tiêu cánh đồng Đăk Rèn, xã Nâm N'Dir	Xã Nâm N'Dir	3000m		3.200				3.200		
1.4.3	Thủy lợi hồ Đăk Na 1 (Khu làng Dao)	Xã Tân Thành	Đập (hồ chứa)		7.000				7.000		
1.4.4	Nạo vét kênh tiêu cánh đồng Buôn Lang, Quảng Phú	Xã Quảng Phú	950m		2.100				2.100		
1.4.5	Nâng cấp kênh đất cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	1500m		2.184				2.184		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 19/7/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.4.6	Trạm bơm điện cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Một trạm bơm		4.900				4.900		
1.4.7	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh		4.200				4.200		
1.4.8	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bô trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021				5.000	5.000		
1.5	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao				44.000	-	-	-	44.000	-	
1.5.1	Trung tâm VHTT huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà làm việc TTVHTT		12.000				12.000		
1.5.2	Khu liên hợp thể thao huyện	TT Đăk Mâm	Nhà thi đấu, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hệ thống điện chiếu sáng..		12.000				12.000		
1.5.3	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Tổng diện tích 2,5 ha bao gồm khu vực khán đài, sân khấu ngoài trời, nhà vệ sinh, phòng thay đồ, cây xanh, điện chiếu sáng, hàng rào...		15.000				15.000		
1.5.4	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m ²		5.000				5.000		
1.6	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng				18.350	-	-	-	18.350	-	
1.6.1	Nâng cấp, sửa chữa tháo trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Lu lèn, mương thoát nước, hầm bảo bia,...		1.000				1.000		
1.6.2	Đường vành đai nội bộ Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đăk Mâm	Đường bê tông dài 1km		1.500				1.500		
1.6.3	Kho vật chất khu căn cứ hậu phương của huyện	Nâm Nung			4.000				4.000		
1.6.4	Thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Bồi thường giải phóng mặt bằng, nâng cấp, mở rộng thao trường bắn		11.850				11.850		
1.7	Lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp				498	-	-	-	498	-	
1.7.1	Xây dựng nhà điều hành, kéo điện 3 pha và một số hạng mục khác để vườn ươm cây giống VNSAT hoàn thiện có thể hoạt động	Xã Đăk Drô			498				498		